CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xây dựng điện Vneco 12

Ngày 31/12/2025	5,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.3%	-	-

DT thuần
Q4/25
12.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.57| 144%
YoY: ▼9.20| -42.0%

LN thuần
Q4/25
-5.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.62| -4682%
YoY: ▼6.11| -1651%

LN sau thuế
Q4/25
-5.58
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.45| -4191%
YoY: ▼5.62| -14044%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-18.9%
YoY: +/-▼ 24.1%

ROE
2025
-89.1%
YoY: +/-▼ 89.6%

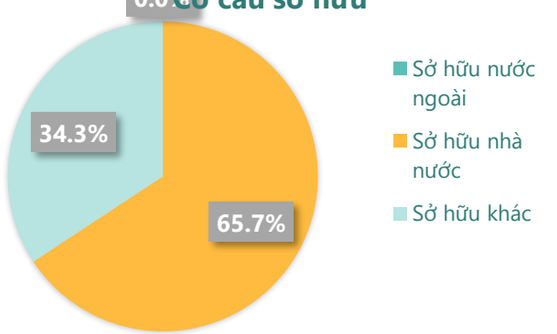
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,800 - 10,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6
Số lượng CPLH (CP)	1,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,595
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.19)
EPS	-6,053
P/E	-0.8

DT thuần
2025
23.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼42.6| -64.2%

LN thuần
2025
-7.41
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.70| -2673%

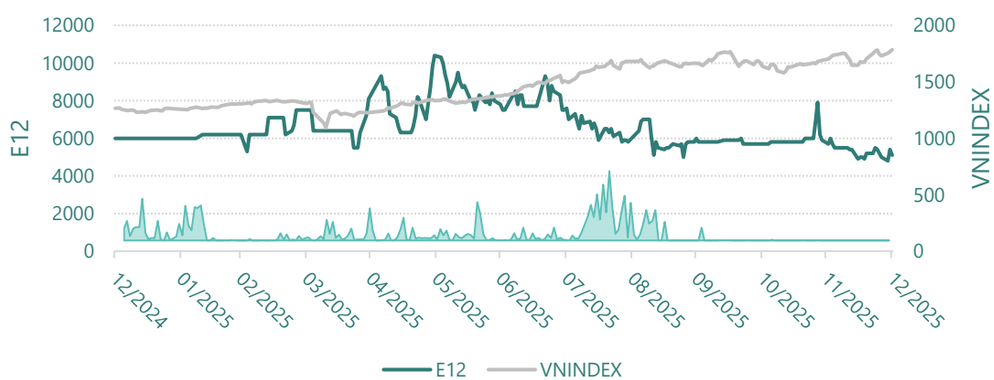
LN sau thuế
2025
-7.26
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.32| -12647%

Cơ cấu sở hữu

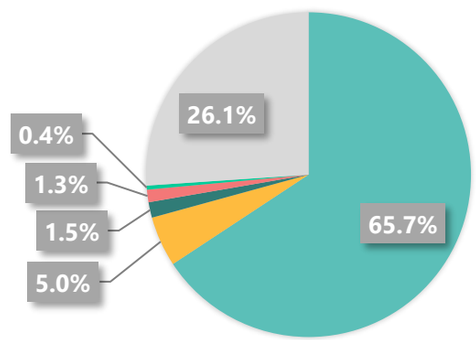


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

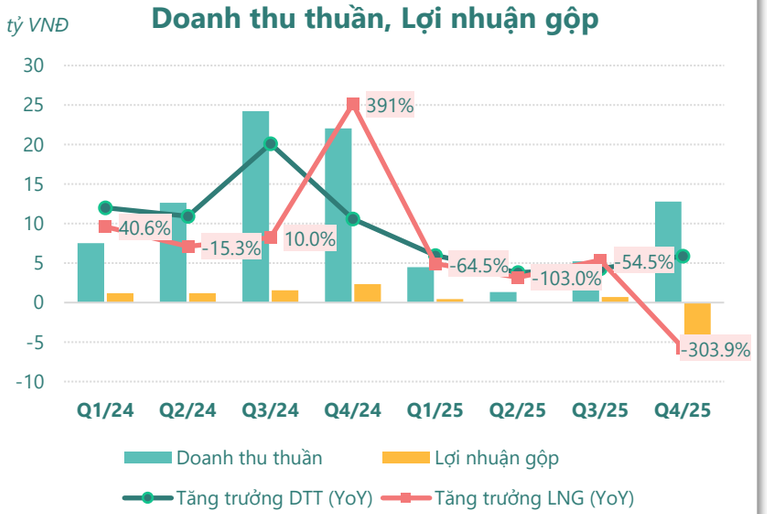


- Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam
- Nguyễn Thị Kim Huệ
- Hoàng Văn Chu
- Đào Hữu Chuộng
- Lê Anh Dũng (Thành viên Ban kiểm soát)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

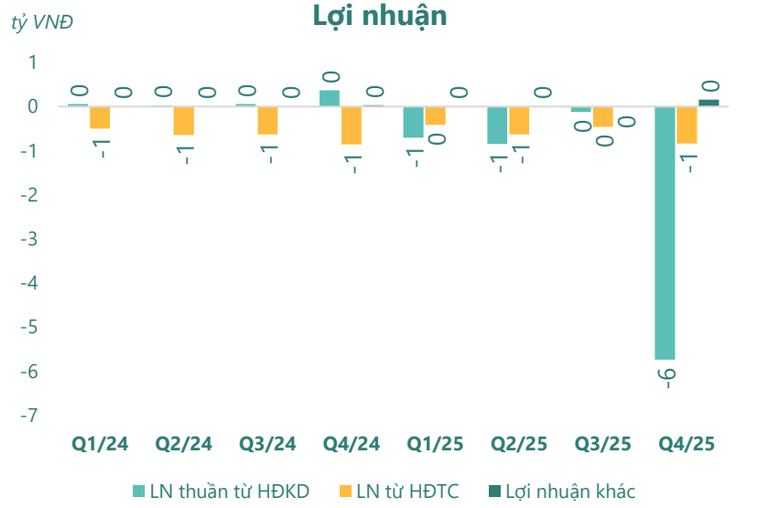
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



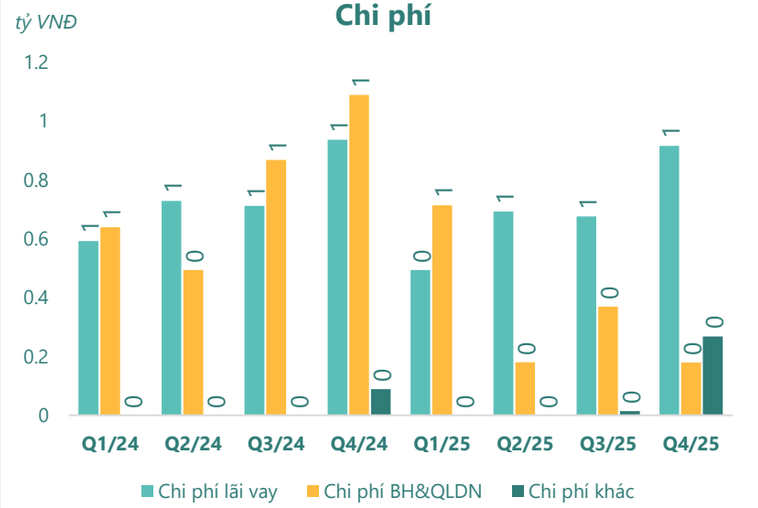
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



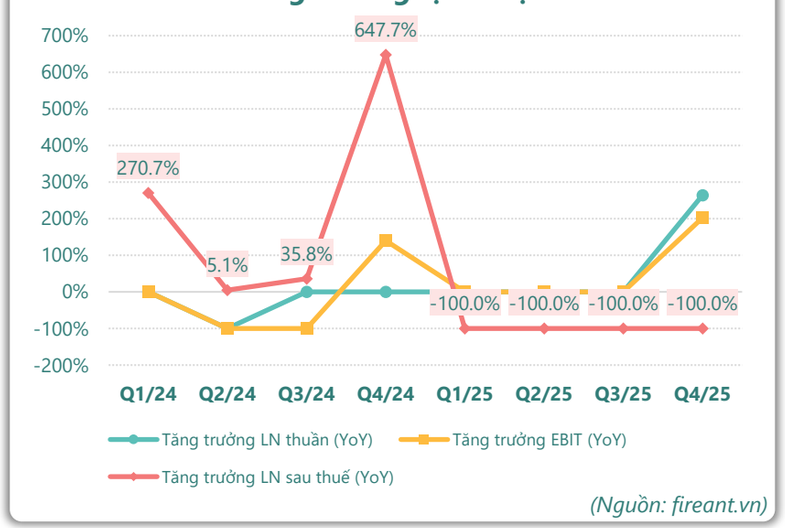
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



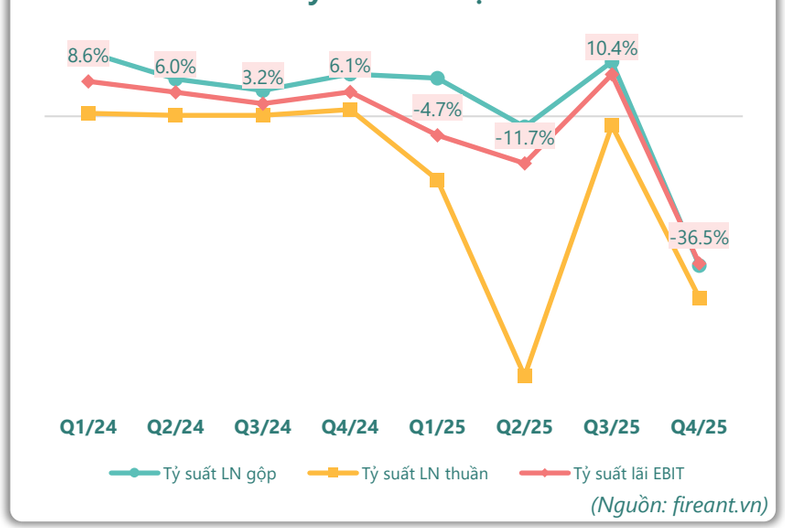
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



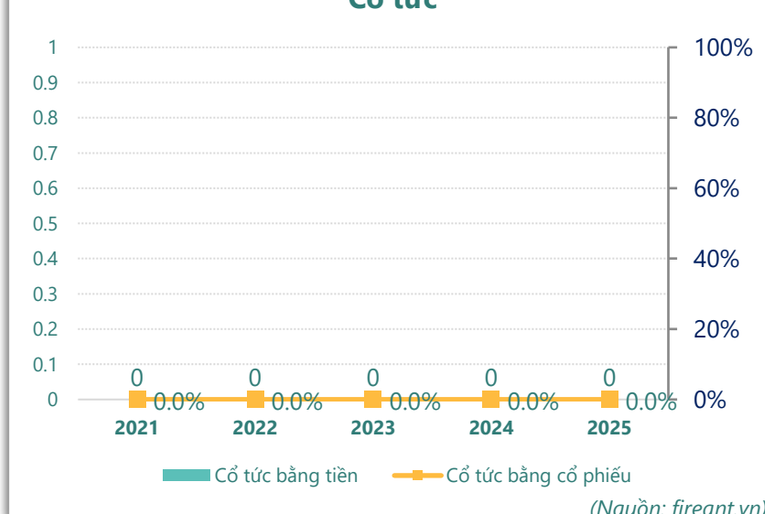
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

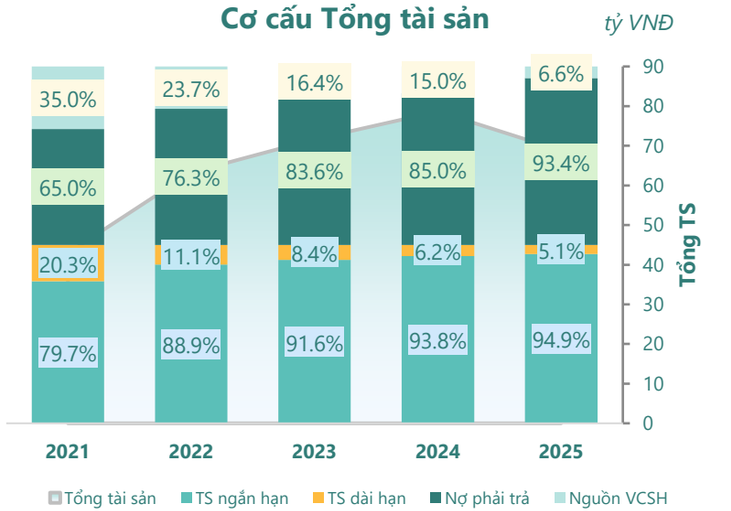
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

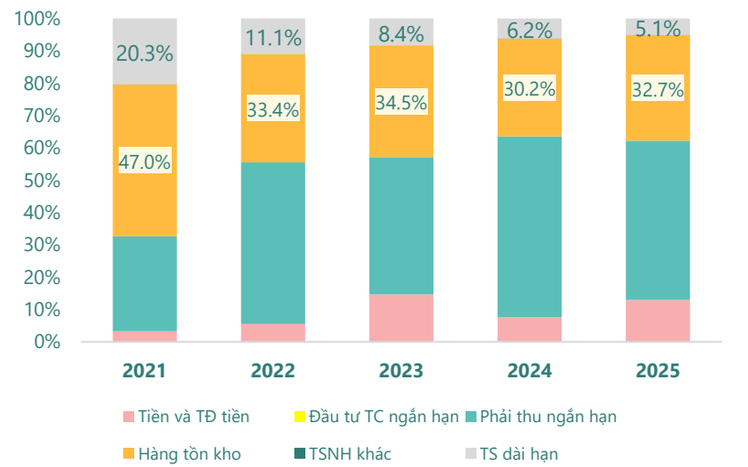
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



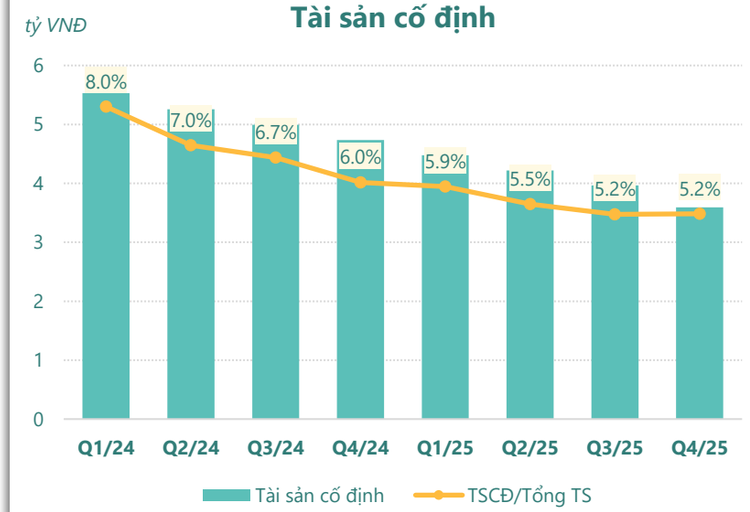
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



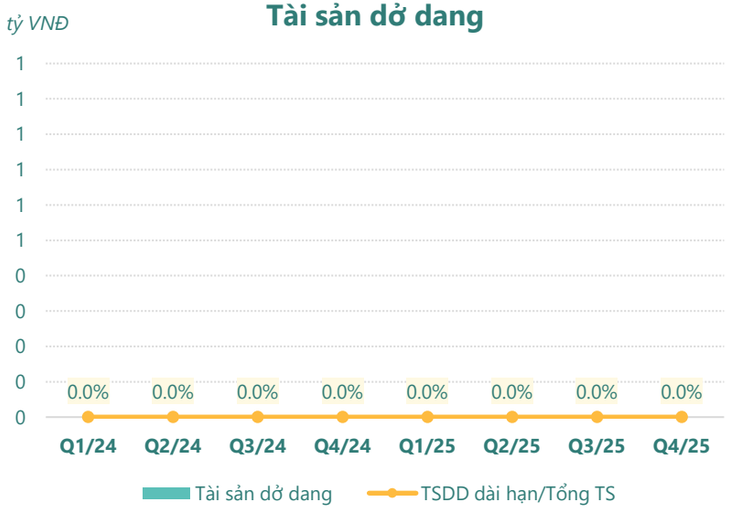
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



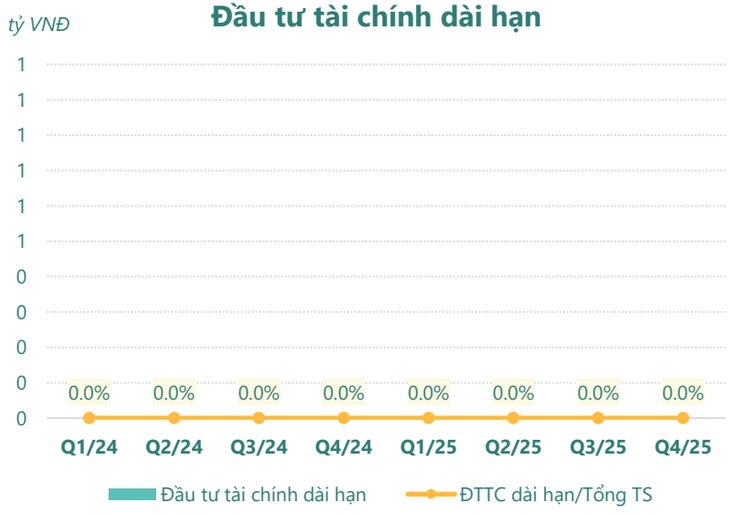
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



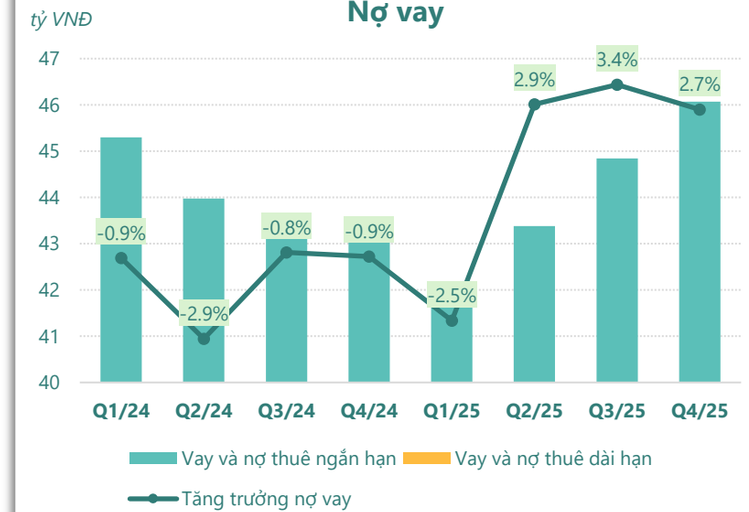
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

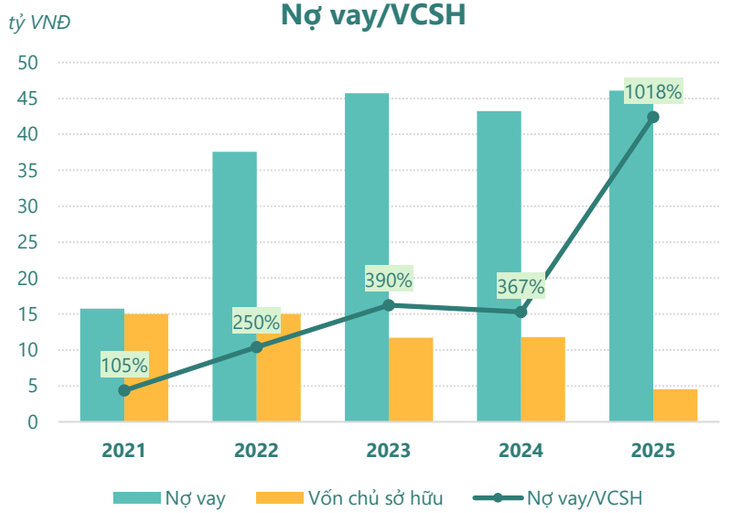
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

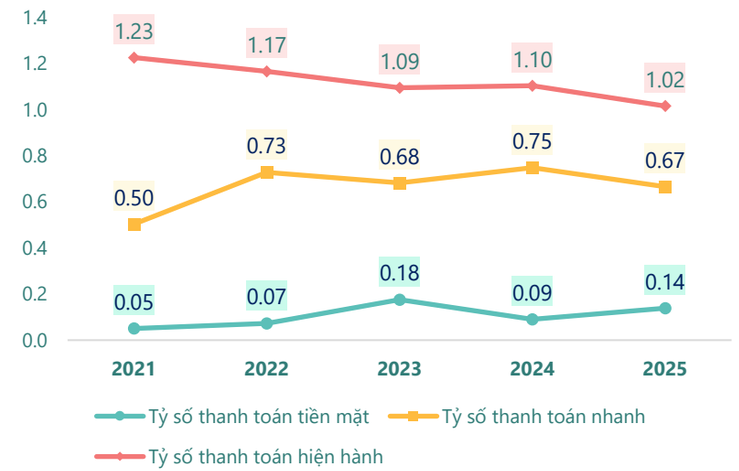
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



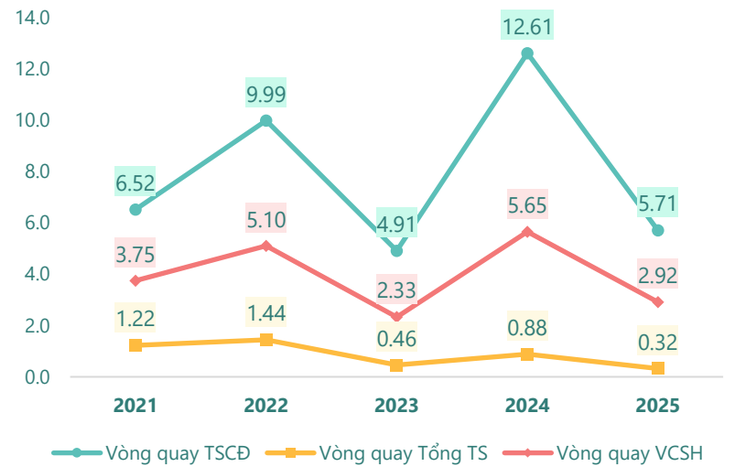
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



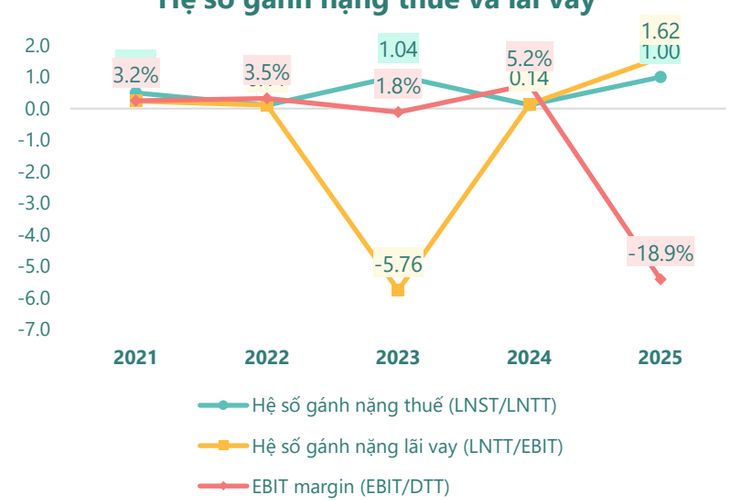
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



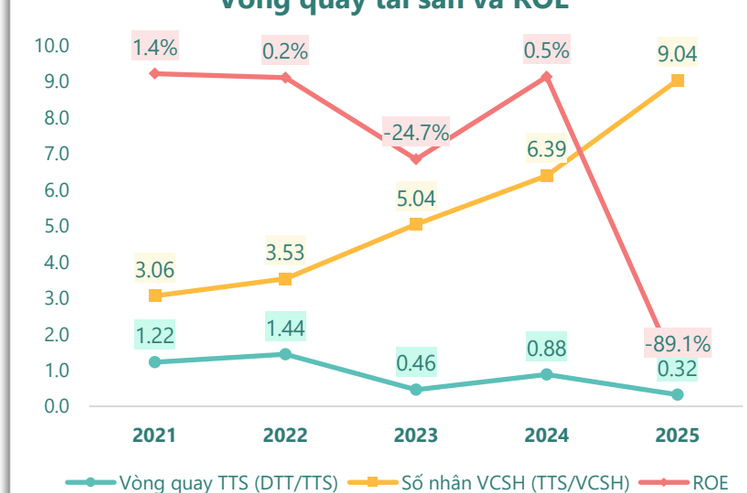
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



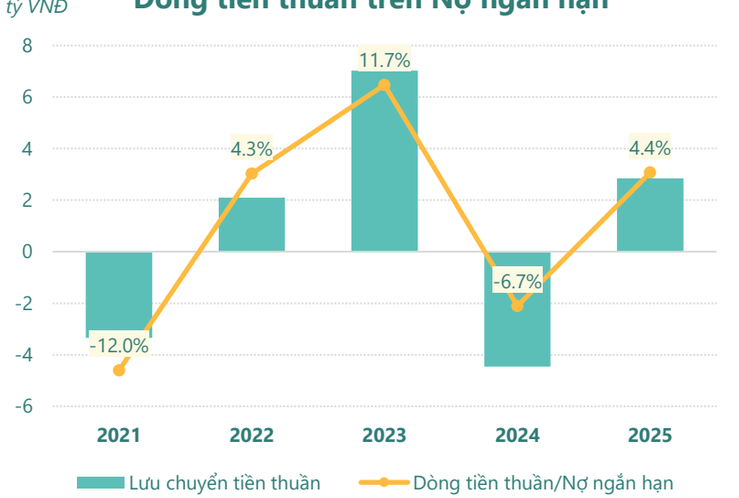
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**12.8**	**22.0**	**-42.0%**	**23.8**	**66.4**	**-64.2%**
Giá vốn hàng bán	17.5	19.7	-11.2%	27.4	60.2	-54.5%
Lợi nhuận gộp	-4.72	2.32	-304%	-3.62	6.24	-158%
Doanh thu HĐTC	0.08	0.08	-1.1%	0.44	0.33	31.0%
Chi phí TC	0.92	0.94	-2.5%	2.78	2.97	-6.5%
Chi phí lãi vay	0.92	0.94	-2.5%	2.78	2.97	-6.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.01	0.22	-94.2%	0.24	0.42	-42.8%
Chi phí QLDN	**0.17**	**0.87**	**-80.8%**	**1.20**	**2.90**	**-58.4%**
LN thuần từ HĐKD	-5.74	0.37	-1651%	-7.41	0.29	-2673%
Lợi nhuận khác	**0.16**	**0.03**	**436%**	**0.15**	**0.19**	**-25.0%**
LN trước thuế	-5.58	0.40	-1494%	-7.26	0.48	-1605%
Lợi nhuận sau thuế	**-5.58**	**0.04**	**-14044%**	**-7.26**	**0.06**	**-12647%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-5.58**	**0.04**	**-14044%**	**-7.26**	**0.06**	**-12647%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.07	1.68	1.54	-2.56	-0.41	1.02
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.20	-0.15	0.02	0.00	0.02	0.38
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.35	-0.39	-1.07	1.21	1.71	0.98
Tiền đầu kỳ	8.95	8.87	6.07	6.56	5.22	6.53
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.08**	**1.14**	**0.49**	**-1.34**	**1.31**	**2.39**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.87	10.0	6.56	5.22	6.53	8.92

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**68.8**	**78.7**	**-12.6%**
Tài sản ngắn hạn	65.2	73.8	-11.6%
Tiền và tương đương tiền	8.92	6.07	46.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	33.8	43.9	-23.0%
Hàng tồn kho	22.5	23.7	-5.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.03	-14.4%
Tài sản dài hạn	**3.52**	**4.87**	**-27.8%**
Phải thu dài hạn	-0.18	0	
Tài sản cố định	3.59	4.73	-24.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.10**	**0.14**	**-25.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	64.2	66.9	-3.9%
Nợ ngắn hạn	**64.2**	**66.9**	**-3.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	46.1	43.2	6.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.7	12.4	2.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4.52**	**11.8**	**-61.6%**
Vốn chủ sở hữu	**4.52**	**11.8**	**-61.6%**
Vốn điều lệ	12.0	12.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)